Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-14 16:58:18 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng[1]*;*

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Nghị định này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn[2], dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng quốc phòng, an ninh và bí mật nhà nước.

---

[1] Căn cứ ban hành Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

[2] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Điều 3. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng được thiết lập phục vụ mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi, chia sẻ thông tin trên mạng.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, chia sẻ, quản lý, duy trì và cập nhật thông qua phương tiện điện tử đáp ứng yêu cầu truy nhập và sử dụng thông tin của các ngành kinh tế và phục vụ lợi ích công cộng.

3. Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn[3]; cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng; cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng và các hoạt động khác liên quan đến đầu tư xây dựng.

4. Cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

2. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, cập nhật nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về hoạt động xây dựng, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng.

3. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt và được lưu trữ lâu dài, đáp ứng nhu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

4. Việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

---

[3] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Chương II
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 5. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng, bao gồm thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng và các thành phần dữ liệu khác có liên quan đến hoạt động xây dựng;

b) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;

c) Hệ thống phần mềm ứng dụng, dịch vụ phần mềm, nền tảng điện toán đám mây phục vụ quản lý, vận hành, khai thác thông tin về hoạt động xây dựng.

2. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng được xây dựng đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc nhằm quản lý, khai thác, chia sẻ và cung cấp thông tin cơ bản về hoạt động xây dựng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Nội dung về các chuẩn dữ liệu, cấu trúc, thành phần dữ liệu và các chức năng cơ bản của hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng thống nhất trong toàn quốc theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 6.[4] Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn được phân loại như sau:

a) Quy hoạch đô thị;

b) Quy hoạch nông thôn;

c) Quy hoạch khu chức năng;

d) Quy hoạch không gian ngầm đối với thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đô thị đối với thành phố trực thuộc trung ương.

2. Thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn được thu thập, cập nhật trong cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm:

a) Thông tin chung: Tên quy hoạch, loại quy hoạch; địa điểm, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch; cơ quan, tổ chức lập quy hoạch; cơ quan thẩm định, phê duyệt quy hoạch; năm phê duyệt quy hoạch;

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Thông tin chi tiết: Các hồ sơ, văn bản về quy hoạch đô thị và nông thôn và một số hoặc các thông tin tại các hồ sơ, văn bản này, bao gồm: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn của cấp có thẩm quyền; các bản vẽ, thuyết minh tổng hợp, thiết kế đô thị (nếu có), quy định quản lý theo quy hoạch đã được phê duyệt (nếu có); kế hoạch thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn; thông tin liên quan khác (nếu có).

3. Thông tin chung và một số thông tin chi tiết trong cơ sở dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn là dữ liệu mở được công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

4. Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn gồm mã số thông tin quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này và các thông tin chung nêu tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 7. Cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

1. Thông tin về dự án đầu tư xây dựng được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Thông tin chung: Tên dự án, nhóm dự án; địa điểm xây dựng; người quyết định đầu tư; chủ đầu tư; mục tiêu, quy mô đầu tư;

b) Thông tin chi tiết: Các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan (nếu có), các hồ sơ, văn bản liên quan đến dự án đầu tư xây dựng và một số hoặc các thông tin tại các hồ sơ, văn bản này, bao gồm: Văn bản về chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; quyết định phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn[5] hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác được sử dụng làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng; kết quả thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường; thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án; hồ sơ, văn bản có liên quan khác (nếu có).

2. Thông tin về công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Thông tin chung: Tên công trình, loại công trình, cấp công trình; địa điểm xây dựng; chủ đầu tư; quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu; mã số thông tin dự án đầu tư xây dựng;

b) Thông tin chi tiết: Các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan (nếu có), các hồ sơ, văn bản liên quan đến công trình xây

[5] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

dựng và một số hoặc các thông tin tại các hồ sơ, văn bản này, bao gồm: Kết quả thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường; thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; giấy phép xây dựng; thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình; thông báo khởi công công trình xây dựng; quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng; thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình; hồ sơ, văn bản có liên quan khác (nếu có).

3. Thông tin về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng được thu thập, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Thông tin chung: Tên công trình xây dựng; loại, cấp công trình; địa điểm xây dựng; chủ đầu tư (chủ hộ gia đình đối với nhà ở riêng lẻ); quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu;

b) Thông tin chi tiết: Giấy phép xây dựng, thông báo khởi công công trình xây dựng và một số hoặc các thông tin tại các văn bản này; thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập, thẩm tra thiết kế (nếu có) và hồ sơ, văn bản có liên quan khác (nếu có).

4. Thông tin chung và một số thông tin chi tiết trong cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng là dữ liệu mở được công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

5. Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng gồm mã số thông tin quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định này và các thông tin chung nêu tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 8. Mã số thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Mỗi đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng gắn với một mã số thông tin, được cấp tự động tại thời điểm thông tin được khởi tạo lần đầu trên hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng để đảm bảo tính duy nhất, đồng bộ, thống nhất.

2. Mã số thông tin của quy hoạch đô thị và nông thôn[6], dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng là dãy các chữ số thể hiện các thông tin sau:

[6] Cụm từ "đồ án quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

a) Địa điểm thực hiện quy hoạch, loại đồ án quy hoạch và cấp độ quy hoạch, thời điểm khởi tạo mã số lần đầu, số lần thực hiện điều chỉnh quy hoạch, số thứ tự trong hệ thống đối với mã số thông tin về quy hoạch;

b) Địa điểm thực hiện dự án, thời điểm khởi tạo mã số lần đầu, số lần thực hiện điều chỉnh dự án, số thứ tự trong hệ thống đối với mã số thông tin về dự án đầu tư xây dựng;

c) Địa điểm thực hiện công trình, mã số dự án, thời điểm khởi tạo mã số lần đầu, số lần thực hiện điều chỉnh thiết kế, số thứ tự trong hệ thống đối với mã số thông tin về công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng;

d) Địa điểm thực hiện công trình, thời điểm khởi tạo mã số công trình lần đầu, số lần thực hiện điều chỉnh thiết kế, số thứ tự trong hệ thống đối với mã số thông tin về công trình xây dựng không thuộc dự án đầu tư xây dựng.

3. Mã số thông tin được thể hiện trên quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch; thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; giấy phép xây dựng; thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn nội dung thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn[7] được quy định tại Điều 6 Nghị định này, thông tin về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng được quy định tại Điều 7 Nghị định này và mã số thông tin được quy định tại Điều này.

Điều 9. Nguồn thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng quy định tại Nghị định này được thu thập từ các nguồn sau:

a) Kết quả thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thông tin, dữ liệu được chia sẻ, liên kết từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan;

c) Thông tin, dữ liệu được đồng bộ hóa từ nguồn dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan có thẩm quyền và các nguồn dữ liệu khác có liên quan;

d) Thông tin, dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng do chủ đầu tư cập nhật theo quy định tại Nghị định này.

2. Các cơ sở dữ liệu tham chiếu đến dữ liệu chủ quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 5 Điều 7 Nghị định này phải cập nhật, điều chỉnh theo dữ liệu chủ trong

[7] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, đảm bảo sự thống nhất trong tất cả các cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 10. Khởi tạo mã số thông tin và nhập thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Mã số thông tin của quy hoạch đô thị và nông thôn[8] quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này được cơ quan thẩm định quy hoạch khởi tạo khi trình phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng.

2. Mã số thông tin của dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định này được khởi tạo như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng khởi tạo khi có kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đạt yêu cầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng khởi tạo khi cấp giấy phép xây dựng công trình thuộc dự án đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

3. Mã số thông tin của công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Nghị định này được khởi tạo như sau:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng khởi tạo khi thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đạt yêu cầu đối với trường hợp công trình xây dựng thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng khởi tạo khi cấp giấy phép xây dựng công trình xây dựng đối với trường hợp công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

4. Mã số thông tin về công trình xây dựng thuộc đối tượng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định này được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng khởi tạo khi cấp giấy phép xây dựng công trình.

5. Nhập thông tin, dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn[9]

a) Cơ quan thẩm định quy hoạch nhập thông tin chung về đồ án quy hoạch quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định này khi thực hiện khởi tạo mã số thông tin theo quy định;

---

[8] Cụm từ "đồ án quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[9] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

b) Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn[10] cập nhật nội dung thông tin chi tiết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này vào hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt quy hoạch.

6. Nhập thông tin, dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

a) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp về thẩm định, cấp giấy phép xây dựng nhập thông tin chung về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định này khi thực hiện khởi tạo mã số thông tin theo quy định và cập nhật kết quả giải quyết thủ tục hành chính do mình thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thủ tục hành chính;

b) Chủ đầu tư (trừ chủ hộ gia đình đối với nhà ở riêng lẻ) cập nhật thông tin chi tiết quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thực hiện thủ tục hành chính trừ các thông tin do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cập nhật theo quy định tại điểm a khoản này.

7. Các cơ quan, tổ chức thẩm định quy hoạch, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, cấp giấy phép xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin, dữ liệu đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Điều 11. Cập nhật, điều chỉnh thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được cập nhật, điều chỉnh từ các nguồn sau:

a) Kết quả điều chỉnh, bổ sung của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng chưa đầy đủ, chính xác;

c) Từ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cập nhật thông tin theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 10 Nghị định này có trách nhiệm thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại điểm a khoản 1 Điều này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

---

[10] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề xuất hoặc phát hiện thông tin trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc có sự sai lệch về nội dung giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ, tài liệu bằng giấy thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định này có trách nhiệm rà soát, kiểm tra và điều chỉnh thông tin, dữ liệu đảm bảo đầy đủ, chính xác.

Điều 12. Khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Phạm vi khai thác cơ sở dữ liệu

a) Cơ quan quản lý nhà nước được quyền khai thác và sử dụng đầy đủ các trường dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu của đơn vị;

b) Cá nhân, tổ chức được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu mở được công bố và được khai thác bằng văn bản đối với các dữ liệu còn lại trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu sử dụng của cá nhân, tổ chức.

2. Hình thức khai thác cơ sở dữ liệu

a) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia;

b) Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;

c) Bằng văn bản theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin đối với các thông tin, dữ liệu không thuộc dữ liệu mở quy định tại khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

3. Cơ quan quản lý nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các giấy tờ, thông tin đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

4. Dữ liệu được tra cứu, khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy trong các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng.

5. Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là nền tảng để triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là tham chiếu gốc phục vụ tra cứu, khai thác để thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan như lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn[11]; lập, thẩm định, phê duyệt Báo

[11] Cụm từ "quy hoạch xây dựng" được thay thế bằng cụm từ "quy hoạch đô thị và nông thôn" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng; các thủ tục khác có liên quan đến đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 13. Quy định về kết nối với hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo các quy định pháp luật về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Bộ Xây dựng thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; ban hành các văn bản liên quan đến quy định kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu, gói tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Điều 14. Kinh phí xây dựng, cập nhật, duy trì, quản lý khai thác hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Kinh phí xây dựng, cập nhật, duy trì hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện việc quản lý khai thác, đảm bảo an toàn thông tin được bố trí từ nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Tổ chức xây dựng, quản lý, quản trị và duy trì hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng gồm các công việc sau:

a) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phần mềm quản lý hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

b) Thử nghiệm, cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

c) Kết nối cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; chia sẻ dữ liệu về hoạt động xây dựng với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác;

d) Thực hiện chọn lọc, làm sạch và cập nhật thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Lộ trình thực hiện các công việc như sau:

a) Các công việc tại khoản 1 Điều này được thực hiện trong thời gian từ thời điểm Nghị định có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025;

b) Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng đưa vào hoạt động, khai thác sử dụng trên toàn quốc kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

3. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Nghị định này. Việc kết nối, chia sẻ thông tin phải đảm bảo bí mật nhà nước, bí mật cá nhân theo các quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan xây dựng phương án, giải pháp ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an toàn hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan *có* liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, các quy chế, quy trình chia sẻ dữ liệu trong phạm vi dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Hướng dẫn thực hiện các quy định của Nghị định này, kiểm tra về công tác thu thập, cung cấp, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia để cung cấp các dịch vụ dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với cổng dữ liệu quốc gia, hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu để phục vụ các cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục yêu cầu và xử lý yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Nghiên cứu, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển Chính phủ điện tử.

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan *có* liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc dữ liệu trao đổi giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Điều 17. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

1. Phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn, tổ chức thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng và Cổng dịch vụ công

quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

2. Kết nối hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc cung cấp dữ liệu thuộc thẩm quyền vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định của Nghị định này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang quản lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo các quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19.[12] Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

---

[12] Điều 29 của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ các văn bản pháp luật sau:

a) Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

b) Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

c) Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

3. Bãi bỏ Điều 1 và Điều 2 quy định về quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng."

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

BỘ XÂY DỰNG

Số: 33/VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Xuân Dũng